TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 16-5-2018
V/v "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Triều**.**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Trọn

Bà Trần Thị Hoài Yên

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Sơn Ca là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 16 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 57/2018/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2018 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 17 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Cẩm Th, sinh năm 1982 (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp C, xã N, huyện P, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Ông Trần Thanh T, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp C, xã N, huyện P, tỉnh Cà Mau.

Tạm trú: Ấp Đ, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng 3 năm 2018 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Cẩm Th trình bày: Bà và ông Trần Thanh T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2000 đến năm 2016 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện P, tỉnh Cà Mau. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do ông T thường xuyên uống rượu, không lo làm ăn, không lo cho vợ con, vợ chồng không còn chung sống với nhau khoảng hơn hai năm. Bà xét thấy hôn nhân không còn hạnh phúc nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Thanh T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống bà và ông T có hai người con chung tên Trần Lê Th1, sinh ngày 19 tháng 5 năm 2001 và Trần Như T1, sinh ngày 19 tháng 9 năm 2012, hai người con chung đang do bà trực tiếp nuôi dưỡng, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi hai người con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai ngày 10 tháng 5 năm 2018 bị đơn ông Trần Thanh T trình bày: Ông và bà Lê Cẩm Th tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2016. Sau thời gian chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nên không còn chung sống với nhau được. Nay bà Th yêu cầu ly hôn ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Th.

Về con chung: có hai người con chung tên là Trần Lê Th1 và Trần Như T1, sau khi hôn ông đồng ý giao hai người con chung cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Lê Cẩm Th yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Trần Thanh T. Do đó, đây là tranh chấp hôn nhân gia đình về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Trần Thanh T là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Trần Thanh T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Cẩm Th và Trần Thanh T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2000 đến năm 2016 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện P, tỉnh Cà Mau nên hôn nhân của bà Th và ông T là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Tại phiên tòa bà Th giữ yêu cầu ly hôn với ông T vì cho rằng bà không còn thương yêu ông T. Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải và triệu tập hợp lệ ông T nhiều lần để tham gia hòa giải và xét xử nhưng ông T vắng mặt, không tham gia hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại bản tự khai ngày 10 tháng 5 năm 2018 ông T đồng ý ly hôn với bà Th. Tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. 2. Vợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, xã hội và lý do chính đáng*

khác". Bà Th cho rằng không còn thương yêu ông T và ông T đồng ý ly hôn với bà Th. Điều này cho thấy tình trạng hôn nhân giữa bà Th và ông T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Lê Cẩm Th về việc yêu cầu ly hôn với ông Trần Thanh T.

[4] Về quyền nuôi con chung: Trong quá trình chung sống bà Th và ông T có hai người con chung tên Trần Lê Th1, sinh ngày 19 tháng 5 năm 2001 và Trần Như T1, sinh ngày 19 tháng 9 năm 2012, hai người con chung do bà Th trực tiếp nuôi dưỡng, bà Th yêu cầu được trực tiếp nuôi hai người con chung. Tại bản tự khai ngày 10 tháng 5 năm 2018 ông T đồng ý giao hai người con chung cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy sự thỏa thuận giữa bà Th và ông T là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của luật và phù hợp với nguyện vọng của người con chung Trần Lê Th1 thể hiện tại tờ khai ngày 09 tháng 3 năm 2018 nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của bà Th và ông T, giao hai người con chung tên Trần Lê Th1, sinh ngày 19 tháng 5 năm 2001 và Trần Như T1, sinh ngày 19 tháng 9 năm 2012 cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Bà Th không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Th và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Th phải nộp 300.000đ, bà Th đã dự nộp 300.000đ được chuyển thu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng các Điều 53 và Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

* Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Lê Cẩm Th và ông Trần Thanh T.

Về quyền nuôi con chung: Giao hai người con chung tên Trần Lê Th1, sinh ngày 19 tháng 5 năm 2001 và Trần Như T1, sinh ngày 19 tháng 9 năm 2012 cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Về án phí: Bà Lê Cẩm Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0006948 ngày 09 tháng 3 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân; bà Th đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm, bà Lê Cẩm Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Trần Thanh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

"*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự*".

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Cà Mau (1b);*
- *VKSND huyện P, tỉnh Cà Mau (1b);*
- *Thi hành án huyện P, tỉnh Cà Mau (1b);*
- *UBND xã N, huyện P, Cà Mau (1b);*
- *Các đương sự (1b);*
- *Lưu hồ sơ, văn thư (1b).*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Việt Triều